TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2026
V/v "YC không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Ngụy Mộng Cầm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 139/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trương Hồng L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khóm P, phường H, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2012 ông và bà Trương Hồng L quen biết và chung sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, hai người chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và hiện nay không còn chung

sống với nhau nữa. Nay ông khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trương Hồng L.

Về con chung: Ông và bà Trương Hồng L có 02 con chung là Trương Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16/7/2013 và Trương Nguyễn Huy H2, sinh ngày 21/11/2020. Hiện con chung đang sinh sống với bà L, khi ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà L nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 30/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không thể sống chung với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Văn C có 02 con chung là Trương Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16/7/2013 và Trương Nguyễn Huy H2, sinh ngày 21/11/2020. Hiện 02 con chung đang sinh sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trương Hồng L. Về con chung: Ông đồng ý giao 02 con chung là Trương Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16/7/2013 và Trương Nguyễn Huy H2, sinh ngày 21/11/2020 cho bà Linh nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trương Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt và thống nhất với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn C. Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16/7/2013 và Trương Nguyễn Huy H2, sinh ngày 21/11/2020 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C và bà Trương Hồng L.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trương Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16/7/2013 và Trương Nguyễn Huy H2, sinh ngày 21/11/2020 cho bà L nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông C khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà L. Bị đơn có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

Ngày 30/3/2026, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Trương Hồng L đều thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2012. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã nhau và hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Ông C xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà L và bà L cũng đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà và ông C. Xét thấy việc chung sống giữa ông C và bà L là hoàn toàn tự nguyện, nhưng cho đến nay các bên vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, hôn nhân giữa ông C và bà L là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C và bà Trương Hồng L.

Về con chung: Ông C và bà L đều thừa nhận có 02 con chung là Trương Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16/7/2013 và Trương Nguyễn Huy H2, sinh ngày 21/11/2020 hiện đang sinh sống với bà L. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Ông Chảo cũng thống nhất với yêu cầu của bà L. Xét bà L có đủ điều kiện, khả năng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và nguyện vọng cháu H1 là được tiếp tục sinh sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận 02 giao con chung cho bà L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn C với bà Trương Hồng L.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trương Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 16/7/2013 và Trương Nguyễn Huy H2, sinh ngày 21/11/2020 cho bà Trương Hồng L nuôi dưỡng.

Ông C được quyền tới thăm con chung, không ai được ngăn cản. Ông C không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của bà L.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo

biên lai số 0003358, ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TVL;
- VKSND.KV1-VL;
- Phòng THADS.KV1-VL;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hải Châu